



ĐGNL TIẾNG ANH

CHUYÊN ĐỀ 4. CẤU TẠO TỪ LOẠI

PART OF SPEECH-ĐỀ CƯƠNG

I. LÝ THUYẾT CẤU TẠO CỦA TỪ LOẠI

A. CÁC ĐUÔI DANH TỪ

STT	QUY TẮC	VÍ DỤ
1	V + ment => N	develop (v) +ment = development (n): sự phát triển entertain (v)+ ment = entertainment (n): sự giải trí
2	V + ance => N	Attend (v) + ance = attendance (n): sự tham dự Perform (v) + ance = performance (n): sự thực hiện, sự biểu diễn
3	V + ion/ation =>N	invent (v) + ion = invention (n): sự phát minh inform (v)+ ion = information (n): thông tin
4	V + age => N	many (v) + age = marriage (n): hôn nhân carry (v)+ age = carriage (n): sự chuyên chở hàng hóa, xe ngựa
5	V + al => N	survive (v) + al = survival (n): sự sống sót arrive (v) + al = arrival (n): sự đến, tới
6	V + ing => N	teach (v) + ing = teaching (n): công việc dạy học train(v)+ing = training (n): công việc đào tạo
7	V + er => N	work (v)+ er = worker (n): công nhân employ (v) + er = employer (n): ông chủ
8	V + or => N	act (v) + or = actor (n): diễn viên survive (v)+ or = survival (n): người sống sót
9	V + ress => N	act (v) + ress = actress (n): nữ diễn viên wait (v) + ress = waitress (n): nữ bồi bàn
10	V + ant => N	assist (v)+ ant = assistant (n): trợ lí depend (v) + ant = dependant (n): người phụ thuộc
11	V + ee => N	employ (v)+ ee = employee (n): công nhân interview (v) + ee = interviewee (n): người đi phỏng vấn



12	V + ledge => N	know (v)+ ledge = knowledge (n): sự hiểu biết, kiến thức
13	V + ist => N	type (v) + 1st = typist (n): người đánh máy
14	V + ar => N	lie (v) + ar = liar (n): kẻ nói dối
15	V + ence =>N	depend (v) + ence = dependence (n): sự phụ thuộc
16	Adj + ness => N	rich (a) + ness = richness (n): sự giàu có polite (a)+ ness = politeness (n): sự lịch sự
17	Adj + ity => N	able (a) + ity = ability (n): khả năng, năng lực responsible(a) + ity = responsibility (n): trách nhiệm
18	Adj + y => N	honest (a) + y = honesty (n): sự thật thà
19	Adj + ty => N	certain (a) + ty = certainty (n): sự chắc chắn
20	Adj + age => N	short (a) + age = shortage (n): sự thiếu hụt
21	Adj + cy => N	proficient (a) + cy = proficiency (n): sự giỏi, sự thành thạo
22	Adj + dom => N	free (a) + dom = freedom (n): sự tự do
23	Adj + ism => N N ₁ + ism => N ₂	social (a) + ism = socialism (n): chủ nghĩa xã hội terror (n) + ism = terrorism (n): chủ nghĩa khủng bố
24	Adj + th => N	warm (a) + th = warmth (n): sự ấm áp, sự niềm nở wide (a)+ th = width (n): bề rộng, bề ngang
25	N ₁ + hood => N ₂	child (n) + hood = childhood (n): thời thơ ấu neighbor (n) + hood = neighborhood (n): vùng lân cận
26	N ₁ + ship => N ₂	friend (n) + ship = friendship (n): tình bạn member (n)+ ship = membership (n): tư cách hội viên, số hội viên

B. CÁC ĐUÔI ĐỘNG TỪ

STT	QUY TẮC	VÍ DỤ
1	Adj + en => V	wide (a) + en = widen (v): mở rộng short (a)+ en = shorten (v): thu ngắn, rút ngắn
2	En + Adj => V	en + rich [a] = enrich (v): làm giàu en + large (a) = enlarge (v): tăng lên, phóng to
3	N + en => V	length (n) + en = lengthen (v): làm dài ra, kéo dài ra
4	Adj + ise/ize => V	social (a) + ise/ize = socialize (v): xã hội hóa, hòa nhập industrial (a) + ise/ize = industrialize (v): công nghiệp hóa





5	N + fy => V	beauty (n) + fy = beautify (v): làm đẹp
---	-------------	---

C. CÁC ĐUÔI TÍNH TỪ

STT	QUY TẮC	VÍ DỤ
1	N + ly => Adj	friend (n) + ly = friendly (adj): thân thiện love (n) + ly = lovely (a): đáng yêu
2	N + ful => Adj	care (n) + ful = careful (a): cẩn thận success (n) + ful = successful (a): thành công
3	N + less => Adj	home (n) + less = homeless (a): vô gia cư hope (n) + less = hopeless (a): vô vọng
4	N + ic => Adj	economy (n) + ic = economic (a): thuộc về kinh tế history (n) + ic = historic (a): có tính chất lịch sử
5	N + able => Adj	reason (n) + able = reasonable (a): có lí, hợp lí comfort (n) + able = comfortable (a): thoải mái
6	N + OUS => Adj	danger (n) + OUS = dangerous (a): nguy hiểm industry (n) + OUS = industrious (a): chăm chỉ
7	N + some => Adj	trouble (n) + some = troublesome (a): gây rắc rối, khó chịu hand (n) + some = handsome (a): đẹp trai
8	N + al => Adj	nation (n) + al = national (a): thuộc quốc gia nature (n) + al = natural (a): thuộc về tự nhiên
9	N + ing/ed => Adj	interest (n) + ing/ed = interesting /interested (a): thú vị/thích thú bore (n) + ing/ed = boring/ bored (a): tẻ nhạt/buồn chán
10	N + ern = Adj	West (n) + ern = Western (a): về phía tây, ở phía tây South (n) + ern = Southern (a): về phía nam, ở phía nam
11	N + y = Adj	rain (n) + y = rainy (a): có mưa sun (n) + y = sunny (a): có nhiều ánh nắng
12	N + ible = Adj	response (n) + ible = responsible (a): có trách nhiệm
13	V + ent => Adj	depend (v) + ent = dependent (a): phụ thuộc
14	V + ive => Adj N + ive => Adj	impress (v) + ive = impressive (a): ấn tượng invent (v) + ive = inventive (a): có tài phát minh, có óc sáng tạo expense (n) + ive = expensive (a): đắt



15	N + like => Adj	child (n) + like = childlike (a): như trẻ con, ngây thơ, thật thà god (n) + like = godlike (n): như thần, như thánh
16	N + ish => Adj	fool (n) + ish = foolish (a): dại dột, ngu xuẩn self (n) + ish = selfish (a): ích kỉ

D. ĐUÔI TRẠNG TỪ

STT	QUY TẮC	VÍ DỤ
1	Adj + ly => Adv	slow (a) + ly = slowly (adv): một cách chậm chạp rapid (a) + ly = rapidly (adv): một cách nhanh chóng

E. VỊ TRÍ CỦA TỪ LOẠI TRONG CÂU

STT	QUY TẮC	VÍ DỤ
1	Sau tobe (am/is/are/was/were) là tính từ	The book <u>is</u> so interesting that I can't put it down.
2	Sau động từ là trạng từ.	He <u>runs</u> more quickly than me.
3	Sau V (tri giác) + adj * V (tri giác): hear, see, smell, taste, feel....	The food <u>tastes</u> delicious .
4	Sau look, seem, get, become, find, make,... + adj	She <u>looks</u> happier than yesterday.
5	Sau mạo từ (a/an/the) + N	<u>The</u> development of industry causes air pollution.
6	Sau tính từ sở hữu (my/your/our/his/her/their/its) là danh từ	He failed the exam because of <u>his</u> laziness .
7	Sau sở hữu cách là danh từ	Mail's <u>house</u> is very nice.
8	Sau đại từ chỉ định (this/that/these/those) + N	<u>This</u> machine has been out of order.
9	Sau some/any/many/much + N	There are <u>many</u> people waiting for the last bus.
10	Sau giới từ (in, on, of, with, under, about, at....) + N/Ving	My parents are celebrating 30 years <u>of</u> marriage next week.
11	Trước danh từ là tính từ	Copperheads are poisonous <u>snakes</u> .

12	Trước tính từ là trạng từ	The matter is <u>comparatively</u> complicated and sensitive.
13	Đứng đầu câu, ngăn cách với phần trong câu bằng dấu phẩy (,) là trạng từ.	<u>Traditionally</u> , the positions of the women were in the kitchen.
14	Sau danh từ là danh từ	This firm is known for its high <u>quality</u> products.
15	Sau bring/take/have/buy/sell.... + N	Money doesn't <u>bring happiness</u> to man.
16	Giữa hai động từ là trạng từ	He <u>will certainly</u> die If you don't call a doctor.
17	Khi có "and/or/but" thì hai vế cân nhau (cùng chức năng từ loại/ngữ pháp/ngữ nghĩa)	The International Red Cross helps people in need without any discrimination based on <u>nationality, race, religion, class or political opinions</u> .
18	Sau "enough" là danh từ (enough + N)	He didn't have <u>enough money</u> to buy the car.
19	Trước "enough" là tính từ: S + be + adj + enough	She is <u>tall enough</u> to play volleyball
20	Tính từ dùng trong câu cảm thán: How + adj + S+V! What + (a/an) + adj +N!	How <u>intelligent</u> she is! What a <u>beautiful</u> girl!
21	Sau "too" là tính từ: too + adj	Coffee seems <u>too hot</u> for me to drink.

MỘT VÀI LƯU Ý

STT	QUY TẮC	VÍ DỤ
1	N + ly => Adj Adj + ly => Adv	like + ly = likely (a) quick + ly =quickly (adv)
2	V + al = N N + al = Adj	arrive + al = arrival (n) nation + al =national (a)
3	V + ing = N N + ing = Adj	teach + ing = teaching (n) bore + ing = boring (a)
4	Adj + y = N	honest + y = honesty (n)



	N + y = Adj	wind + y = windy (a)
--	-------------	----------------------

II. BÀI TẬP ÁP DỤNG

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions.

- Câu 1:** [EMPIRE TEAM] I awoke much later but kept my eyes closed, I still felt a bit _____ and wasn't ready to start work just yet.
 A. sleepy B. asleep C. sleepless D. sleeping
- Câu 2:** [EMPIRE TEAM] The family has a very important role in _____ children.
 A. social B. socialist C. socializing D. socialism
- Câu 3:** [EMPIRE TEAM] In U.S. schools, teachers don't mind their students' _____ them during the lectures.
 A. interrupt B. interrupted C. interrupting D. to interrupt
- Câu 4:** [EMPIRE TEAM] His achievements were partly due to the _____ of his wife.
 A. assist B. assistant C. assisted D. assistance
- Câu 5:** [EMPIRE TEAM] It was concluded that good schools can, and do, exert an important protective effect against _____ disturbance.
 A. behavior B. behavioral C. behaviorist D. behaviorism
- Câu 6:** [EMPIRE TEAM] Because of her teacher's _____, the teenage mother was able to finish high school despite the obstacles she faced.
 A. courageous B. encourage
 C. encouragement D. discouragement
- Câu 7:** [EMPIRE TEAM] The lecturer explained the problem very clearly and is always _____ in response to Căus.
 A. attention B. attentive C. attentively D. attentiveness
- Câu 8:** [EMPIRE TEAM] I make no _____ for encouraging my children to succeed in school.
 A. apologize B. apologetic C. apologies D. apoplectic
- Câu 9:** [EMPIRE TEAM] It was very more _____ of a chat than an interview.
 A. formal B. informal C. formality D. informality
- Câu 10:** [EMPIRE TEAM] Harry was fed up with his _____ life and decided to do something to make himself feel better.
 A. misery B. miserably C. miserly D. miserable
- Câu 11:** [EMPIRE TEAM] In England, primary education is provided by state schools run by the government and by _____ fee-paying schools.
 A. independent B. independently C. depended D. independence
- Câu 12:** [EMPIRE TEAM] Five civil servants were dismissed for _____ and misconduct.
 A. dishonesty B. dishonest C. dishonestly D. honesty



- Câu 13:** [EMPIRE TEAM] Neither the boy's teacher nor his parents are _____ with his result in the Math competition.
A. satisfied B. satisfactory C. satisfying D. satisfaction
- Câu 14:** [EMPIRE TEAM] People didn't believe his _____ that he had stolen the money in order to give it to charity.
A. explanatory B. explanation C. explain D. explainable
- Câu 15:** [EMPIRE TEAM] He was still _____. I couldn't imagine how he would pay the bills.
A. employing B. unemployed C. employment D. employee
- Câu 16:** [EMPIRE TEAM] Vietnam's government is calling on the people's _____ to combat Covid-19.
A. supporting B. supports C. supportive D. support
- Câu 17:** [EMPIRE TEAM] The school announced that the _____ fee would go up next year, so the new students would pay more to enroll the school.
A. admit B. admitted C. admission D. admitting
- Câu 18:** [EMPIRE TEAM] Those who disagreed with the director's viewpoint were _____ edged out of the company.
A. gradually B. gradualism C. gradual D. gradualness
- Câu 19:** [EMPIRE TEAM] There was a lot of opposition from the parents of the _____ children because they used to believe that their children could not learn anything at all.
A. ability B. disabled C. unable D. disablement
- Câu 20:** [EMPIRE TEAM] We've spent a lot of money on _____ and we're beginning to see the results.
A. advertising B. advertisers C. advertisement D. advertise
- Câu 21:** [EMPIRE TEAM] Although her idea, at first, met with _____ from the parents of the disabled children, more children attended her class later.
A. opposite B. oppositional C. oppositeness D. opposition
- Câu 22:** [EMPIRE TEAM] The six-month-old _____ club, which comprises 19 deaf, mute or mentally retarded children, is now having its first exhibition in Hanoi.
A. photographic B. photograph
C. photographer D. photographically
- Câu 23:** [EMPIRE TEAM] Patricia has checked the reports and can vouch for the _____ of the information.
A. inaccuracy B. accurately C. accuracy D. accurate
- Câu 24:** [EMPIRE TEAM] The legend of Santa Claus – who _____ leaves presents in stockings at Christmas as children sleep - has its roots in a real man.
A. magician B. magicking C. magically D. magic
- Câu 25:** [EMPIRE TEAM] The pilot of the aircraft was forced to make an _____ landing on Lake Geneva.
A. emerge B. emergent C. emerging D. emergency



- Câu 26:** [EMPIRE TEAM] Computer is an _____ storage device which manages large collections of data.
A. electronic B. electron C. electronically D. electronical
- Câu 27:** [EMPIRE TEAM] In our _____ of how much your initial investment might be worth at term, we are assuming an 8% rate of return.
A. illustratable B. illustration C. illustrative D. illustrator
- Câu 28:** [EMPIRE TEAM] Laura is anxious about her parents' _____ because they may not let her stay the night away from home.
A. permissible B. permission
C. permissively D. permissiveness
- Câu 29:** [EMPIRE TEAM] There's an element of _____ in his behavior that makes me distrust him.
A. calculable B. calculator C. calculation D. calculative
- Câu 30:** [EMPIRE TEAM] I think she's very _____ of being the only person in the office who didn't have a university education.
A. consciousness B. consciously C. unconsciously D. conscious
- Câu 31:** [EMPIRE TEAM] As far as health is concerned, it is often said that _____ is better than cure.
A. prevention B. prevent C. preventive D. prevented
- Câu 32:** [EMPIRE TEAM] Virtual classrooms will be multi-functional, acting simultaneously as learning platforms, forums and _____ networks.
A. society B. social C. sociable D. socialize
- Câu 33:** [EMPIRE TEAM] Although most fairy tales have happy endings, the stories usually deal with very _____ situations – children abandoned in the forest, terrifying giants, cruel stepmothers.
A. frighten B. frighteningly C. frightened D. frightening
- Câu 34:** [EMPIRE TEAM] Despite many recent _____ advances, there are parts where schools are not equipped with computers.
A. technology B. technological C. technologically D. technologist
- Câu 35:** [EMPIRE TEAM] Both Asian and Western students seem _____ about how to answer the Cậunaire of the survey.
A. confusedly B. confused C. confusing D. confusion
- Câu 36:** [EMPIRE TEAM] Each district will appoint one _____ to speak to the local leaders about the struggles in their community.
A. represent B. representation
C. representative D. representational
- Câu 37:** [EMPIRE TEAM] The residents went to bed that night blissfully _____ of the storm to come.
A. ignoring B. ignored C. ignorance D. ignorant
- Câu 38:** [EMPIRE TEAM] Although doctors have told her to cut down on sweets, she finds the temptation of cheesecakes quite _____.



A. resisting B. resistant C. resistible D. irresistible

Câu 39: [EMPIRE TEAM] His attitude towards us lately is _____, so I think we should talk to him.

A. tolerate B. tolerable C. tolerated D. intolerable

Câu 40: [EMPIRE TEAM] John's outstanding performance in the competition proved that he was a _____ winner.

A. worthwhile B. worthy C. worth D. worthless

Câu 41: [EMPIRE TEAM] An unexpected surge in _____ power caused the computer to crash.

A. electricity B. electrical C. electric D. electrifying

Câu 42: [EMPIRE TEAM] Children rarely show any _____ for what their parents do for them.

A. appreciate B. appreciative C. appreciation D. appreciable

Câu 43: [EMPIRE TEAM] These quick and easy _____ can be effective in the short term, but they have a cost.

A. solve B. solvable C. solutions D. solvability

Câu 44: [EMPIRE TEAM] He was looking at his parents _____, waiting for recommendations.

A. obey B. obedience C. obedient D. obediently

Câu 45: [EMPIRE TEAM] It is _____ of you to leave the medicine where the children could get it.

A. care B. caring C. careless D. careful

Câu 46: [EMPIRE TEAM] My mother used to be a woman of great _____, but now she gets old and looks pale.

A. beauty B. beautiful C. beautifully D. beautify

Câu 47: [EMPIRE TEAM] Although they are twins, they have almost the same appearance but they are seldom in _____.

A. agree B. agreeableness C. agreement D. agreeably

Câu 48: [EMPIRE TEAM] A letter of _____ is sometimes really necessary for you in a job interview.

A. recommend B. recommended
C. recommender D. recommendation

Câu 49: [EMPIRE TEAM] Doctors have to assume _____ for human life.

A. responsible B. responsibly C. responsibility D. irresponsible

Câu 50: [EMPIRE TEAM] He was offered the job thanks to his _____ performance during his job interview.

A. impress B. impression C. impressive D. impressively

THE END.